

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ L
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2019/HN-ST
Ngày 05 tháng 6 năm 2019
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đoàn Kim Thanh

2. Ông Phan Bảo Duy

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Bích - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang.

Ngày 05 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 703/2018/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 9 năm 2018 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 20 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hồ Tấn C

+ Địa chỉ: Khóm B1, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Kiều M

+ Địa chỉ: Khóm B1, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang.

+ Địa chỉ hiện cư trú: Xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Có yêu cầu vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai cùng các lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Hồ Tấn C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Lê Thị Kiều M tìm hiểu, yêu thương và tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M vào ngày 10/6/2003. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm sống nên ông bà sống ly thân từ đó đến nay. Mặc dù đã cố gắng hàn gắn, nhưng vẫn không có kết quả.

Do mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm dành cho nhau không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên ông C yêu cầu ly hôn bà M.

Về con chung: Ông bà có một con chung tên Nguyễn Lê Nhật N, sinh ngày 16/5/2003, hiện do bà M chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Theo đơn tường trình ngày 14/8/2018 bị đơn bà Lê Thị Kiều M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà thống nhất lời trình bày của ông C về quan hệ hôn nhân, thời gian sống hạnh phúc cũng như những mâu thuẫn phát sinh trong đời sống vợ chồng và thời gian sống ly thân. Do tình cảm dành cho nhau không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà đồng ý ly hôn theo đơn khởi kiện của ông C. Hiện nay bà làm việc tại Công ty có địa chỉ tại địa bàn huyện L, tỉnh Đồng Nai, nên việc đi lại trong quá trình giải quyết gặp khó khăn, vì vậy bà yêu cầu được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Về con chung: Bà thống nhất lời trình bày của ông C là ông bà có một con chung tên Nguyễn Lê Nhật N, sinh ngày 16/5/2003 hiện do bà chăm sóc nuôi dưỡng. Bà yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con, vì bà có khả năng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Phiên tòa mặc dù đã được triệu tập hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng bà Lê Thị Kiều M là bị đơn có yêu cầu được vắng mặt. Ông Nguyễn Hồ Tấn C là nguyên đơn có mặt không yêu cầu hoãn phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Ông Nguyễn Hồ Tấn C và bà Lê Thị Kiều M tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M vào năm 2003, nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Nguyên nhân ly hôn theo ông C trình bày, sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm sống nên ông bà sống ly thân từ đó đến nay. Mặc dù ông bà đã cố gắng hàn gắn để xây dựng hạnh phúc gia đình, nhưng vẫn không có kết quả. Do mâu thuẫn trong hôn nhân đã trầm trọng, thời gian sống ly thân đã lâu, tình cảm dành cho nhau không còn nên ông C yêu cầu ly hôn bà M. Bà M cho rằng sau khi kết hôn ông bà sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nên vợ chồng sống ly thân đến nay. Do tình cảm không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên bà đồng ý ly hôn.

[3] Qua lời trình bày của các đương sự và xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nhận thấy, quá trình giải quyết vụ án bà M có văn bản trình bày ý kiến đồng ý ly hôn với ông C. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử động viên ông C vì con tạo cơ hội để vợ chồng hàn gắn cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, chăm sóc nuôi dạy con chung, nhưng ông C vẫn kiên quyết ly hôn, bà M cũng không có nguyện vọng đoàn tụ. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn trong hôn nhân của ông bà đã trầm trọng, không thể hàn gắn. Do

đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Hồ Tấn C được ly hôn bà Lê Thị Kiều M.

[4] Về con chung: Ông bà có một con chung tên Nguyễn Lê Nhật N, sinh ngày 16/5/2003 hiện do bà M chăm sóc nuôi dưỡng. Bà M yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu ông C cấp dưỡng.

Xét thấy, thời gian ông bà sống ly thân con chung do bà M chăm sóc, nuôi dưỡng. Cháu N cũng có nguyện vọng được sống với bà M, nếu ba mẹ ly hôn. Ông C cũng không tranh chấp quyền nuôi con. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho cháu N, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà M được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con, cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, đây là quyền lợi của con chưa thành niên. Tuy nhiên, bà M là người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu ông C cấp dưỡng, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Bà M phải tạo điều kiện cho ông C được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà trình bày không có.

[6] Về án phí: Ông Nguyễn Hồ Tấn C phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228; khoản 4, Điều 147; khoản 1, Điều 273; khoản 1, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56; khoản 2, Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Điều 6; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Hồ Tấn C được ly hôn bà Lê Thị Kiều M.

[2] Về con chung: Ông bà có một con chung tên Nguyễn Lê Nhật N, sinh ngày 16/5/2003.

Bà M được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Ông C không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do bà M không yêu cầu.

Bà M phải tạo điều kiện cho ông C được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà trình bày không có.

[4] Về án phí: Ông Nguyễn Hồ Tấn C phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009913, ngày 14/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L. Ông C đã nộp đủ tiền án phí.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.
Đương sự không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hoa

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi gửi:

- Tòa án ND tỉnh An Giang;
- VKS ND TPLX;
- Thi hành án DS TPLX;
- UBND P. M, TPLX;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.

Nguyễn Thị Hoa

